

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TS  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST

Ngày: 19/5/2022

V/v: “Tranh chấp về Hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Minh Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

2. Ông Phạm Quốc Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huỳnh T, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: số 146, tổ 4, ấp HP, xã ĐT, huyện TS, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Vũ Hồng Đ, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BS, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh T trình bày:*

Vào ngày 06/12/2018 bà Nguyễn Vũ Hồng Đ đang gặp khó khăn thiếu

vốn trả tiền điện thoại trên Sài Gòn, có chủ động vay của ông và có ký tên 02 giấy mượn tiền với tổng số tiền 35.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất cụ thể. Từ khi vay bà Đ trả cho ông được 1.000.000 đồng tiền lãi, tiền vốn đến nay vẫn chưa trả.

Nay ông Nguyễn Huỳnh T yêu cầu bà Nguyễn Vũ Hồng Đ có trách nhiệm trả cho ông số tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 16/12/2018 cho đến khi xét xử.

\* *Về phía bị đơn bà Nguyễn Vũ Hồng Đ*: Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng bà Đ không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân, cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Đ.

\* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm*: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huỳnh T. Buộc bà Nguyễn Vũ Hồng Đ có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Huỳnh T số tiền là 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) và lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 16/12/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản, bị đơn bà Nguyễn Vũ Hồng Đ có địa chỉ tại ấp BS, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Vũ Hồng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Vũ Hồng Đ.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh T với bị đơn bà Nguyễn Vũ Hồng Đ thực tế đã xảy ra được chứng minh tại 02 Giấy mượn tiền cùng ngày 06/12/2018 bà Đ đều có ký tên. Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên đương sự được giao kết trên cơ sở tự nguyện, có làm giấy tờ phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý. Từ khi vay bà Đ trả cho ông được 1.000.000 đồng tiền lãi thì không trả nữa và cũng không trả vốn cho ông Tiền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Đ để tham gia hòa giải và ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tiền nhưng phía bà Đ đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nào phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Tiền nên xem như bà Đ đã từ bỏ quyền của mình, mặc nhiên thừa nhận còn nợ ông Tiền số tiền là 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy, bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên ông Tiền khởi kiện yêu cầu bà Đ trả số tiền gốc và lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Do đó, buộc bà Nguyễn Vũ Hồng Đ phải trả cho ông Nguyễn Huỳnh T số tiền còn nợ gốc là 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

Về lãi suất: Ông Tiền yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 16/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại Giấy mượn tiền không thể hiện rõ lãi suất và đến nay bà Đ vẫn chưa trả nợ nên ông Tiền yêu cầu trả lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ, nên được chấp nhận. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tiền lãi tính từ ngày 16/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/5/2022) là 41 tháng 03 ngày, ông Tiền tự nguyện làm tròn là 41 tháng, lãi suất là 10%/năm (0,833%/tháng) nên lãi suất được tính như sau:

Số tiền gốc 35.000.000 đồng x 0,833% x 41 tháng = 11.953.550 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi bà Nguyễn Vũ Hồng Đ phải trả cho ông Nguyễn Huỳnh T là: 35.000.000 đồng + 11.953.550 đồng = 46.953.550 đồng (*Bốn mươi sáu triệu chín trăm năm mươi ba nghìn năm trăm năm mươi đồng*).

[3] Về án phí: Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Nguyễn Vũ Hồng Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Huỳnh T không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huỳnh T.

Buộc bà Nguyễn Vũ Hồng Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huỳnh T tổng số tiền là 46.953.550 đồng (*Bốn mươi sáu triệu chín trăm năm mươi ba nghìn năm trăm năm mươi đồng*), trong đó vốn là 35.000.000 đồng và lãi là 11.953.550 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Vũ Hồng Đ phải chịu 2.347.678 đồng (*Hai triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Huỳnh T không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền 437.500 đồng (*Bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008604 ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Minh Tâm**